

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16-9-2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Trường

Bà Ngô Thị Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương– Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Lan P, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ X, ấp T xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Anh T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ X, khu phố T, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Huỳnh Thị Lan P trình bày:

Bà P, ông T tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã C, huyện T (nay là thị xã P), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 vào ngày 07-3-2007.

Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn tiếng nói chung, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Dù bà P cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã không còn sống chung được 1 năm, cả hai không còn quan tâm tới nhau, trong thời gian ly thân ông T không thăm nom con chung. Do đó bà P yêu cầu ly hôn ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Trần Anh T, sinh ngày 24-7-2005 và Trần Thiện T, sinh ngày 07-5-2012. Từ khi vợ chồng không còn sống chung các con do bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó bà P yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà P yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con cho mỗi tháng 4.000.000 đồng (tương đương 2.000.000 đồng/con/tháng) cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Trần Anh T trình bày:

Ông T xác nhận lời trình bày của bà P về quá trình chung sống, kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, con chung là đúng.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông T đồng ý ly hôn bà P. Tuy nhiên vì lý do công việc và sức khỏe yếu ông xin được giải quyết vắng mặt.

Về con chung: ông T đồng ý giao hai con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (tương đương 2.000.000 đồng/con/tháng) cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- *Về tố tụng:* Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý và giải quyết vụ việc trên là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào lời khai của hai bên xác định mâu thuẫn vợ chồng bà P là có thật. Xét bà P, ông T đã thống nhất giải quyết toàn bộ vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận. Về án phí buộc bà P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung bà P, ông T không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, xác định vụ việc giải quyết trên thuộc loại quan hệ về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trần Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 2 Điều 227 khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[2] Nội dung giải quyết.

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Huỳnh Thị Lan P và ông Trần Anh T tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện T (nay là thị xã P), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 vào ngày 07-3-2007 đúng quy định. Do đó hôn nhân của bà P, ông T là hợp pháp.

Theo bà P, ông T đều xác định quá trình chung sống từ năm 2020 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tôn trọng lẫn nhau. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã không còn sống chung đã một năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà P yêu cầu ly hôn và ông T đồng ý ly hôn. Xét lời trình bày của hai bên thấy tình trạng hôn nhân của bà P, ông T có những mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà P và ông T thống nhất ly hôn là tự nguyện nên được công nhận.

[2.2] *Về con chung:* Bà P, ông T xác định vợ chồng có 2 con chung là Trần Anh T, sinh ngày 24-7-2005 và Trần Thiện T, sinh ngày 07-5-2012. Từ khi vợ chồng không còn sống chung hai con chung do bà P nuôi dưỡng. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng mỗi tháng 4.000.000 đồng (tương đương 2.000.000 đồng/con/tháng) cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông T đồng ý. Xét sự thoả thuận giữa bà P, ông T về việc giao con và cấp dưỡng nuôi con như trên là tự nguyện và không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung và điều kiện thực tế nên Hội đồng xét xử công nhận.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà P, ông T không yêu cầu nên không xem xét.

[3] *Về án phí:* Bà P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Bà P, ông T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Lan P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Lan P, ông Trần Anh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị Lan P, ông Trần Anh T có 2 con chung là Trần Anh T, sinh ngày 24-7-2005 và Trần Thiện T, sinh ngày 07-5-2012.

Giao hai con chung Trần Anh T và Trần Thiện T cho bà Huỳnh Thị Lan P trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Trần Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Huỳnh Thị Lan P mỗi tháng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), tương đương 2.000.000 đồng/con/tháng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Trần Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Ông T không được lợi dụng quyền thăm nom gây cản trở quyền trực tiếp nuôi con của người trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích mọi mặt của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày người được T hành án có đơn yêu cầu T hành án, nếu người phải T hành án chưa T hành án, thì hàng tháng còn phải thanh toán tiền lãi theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, trên số tiền phải T hành án trong thời gian chưa T hành án, cho đến khi T hành án xong.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Lan P phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006501 ngày 15 tháng 7 năm 2022, của Chi cục T hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Bà P đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã Châu Pha;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Thanh Trà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
TÒA CÁC HỘI THẨM THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Thị Hậu

Trần Thị Ái Hà

Huỳnh Thanh Trà